TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 743/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 25 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 804/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Hải V, sinh năm 1990.

Nơi thường trú: Tổ dân phố Nam Thượng, phường Phú Thượng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Trần Thị T, sinh năm 1994.

Nơi thường trú: Tổ dân phố Nam Thượng, phường Phú Thượng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hải V và chị Trần Thị T sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/9/2019 tại Ủy ban Nhân dân phường Phú Thượng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau, vợ chồng hết tình cảm và đã sống ly thân. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn nên anh Nguyễn Hải V và chị Trần Thị T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Hải V và chị Trần Thị T có 01 người con chung tên Nguyễn Quang Minh Nh, sinh ngày 18/11/2019. Anh Nguyễn Hải V và chị Trần Thị T thỏa thuận giao người con chung cho anh Nguyễn Hải V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); chị Trần Thị T có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi người con chung một tháng 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người con chung đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Hải V và chị Trần Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[4] Nghĩa vụ về tài sản chung: Anh Nguyễn Hải V và chị Trần Thị T xác nhận không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hải V và chị Trần Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Quang Minh Nh, sinh ngày 18/11/2019 cho anh Nguyễn Hải V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Chị Trần Thị T có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi người con chung tên Nguyễn Quang Minh Nh một tháng số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người con chung tên Nguyễn Quang Minh Nh đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Hiện nay người con chung tên Nguyễn Quang Minh Nh đang sinh sống với anh Nguyễn Hải V.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Hải V và chị Trần Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

- Nghĩa vụ về tài sản chung: Anh Nguyễn Hải V và chị Trần Thị T xác nhận không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Hải V và chị Trần Thị T mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lệ giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001033 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Nguyễn Hải V và chị Trần Thị T đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TpHuế;
- Chi cục THADS TpHuế;
- UBND phường Phú Thượng TpHuế;
(Đăng ký kết hôn ngày 19/9/2019)
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thanh Ly